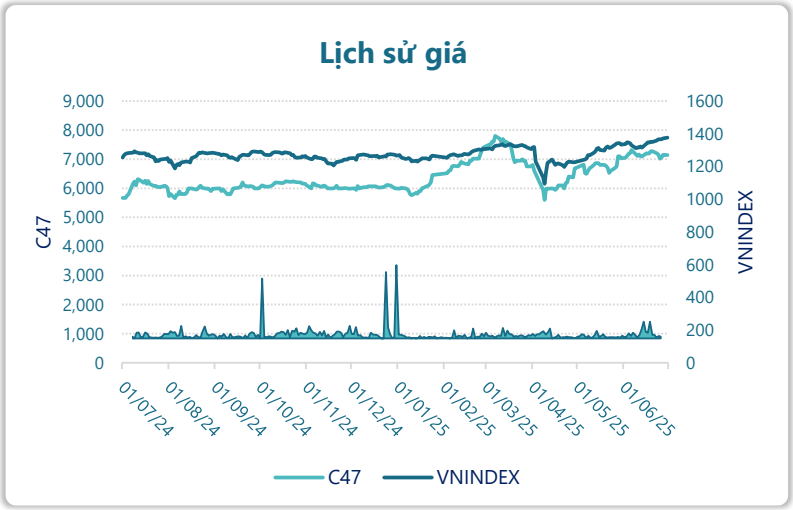
FireAnt

CTCP Xây dựng 47 (HSX: C47)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**7,140**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,600
SL cổ phiếu LH	36,342,269
KLGD BQ 20 phiên (CP)	50,275
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	259
P/E	9.1
EPS	786

DT thuần

Q2/25

489

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 70.0| 16.6%

YoY: ▲ 341| 230%

LN sau thuế

Q2/25

17.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.90| 65.0%

YoY: ▲ 16.1| 1186%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

7.1%

+/- YoY: ▼ 4.2%

DT thuần

6T 2025

908

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 619| 214%

LN sau thuế

6T 2025

28.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 25.5| 976%

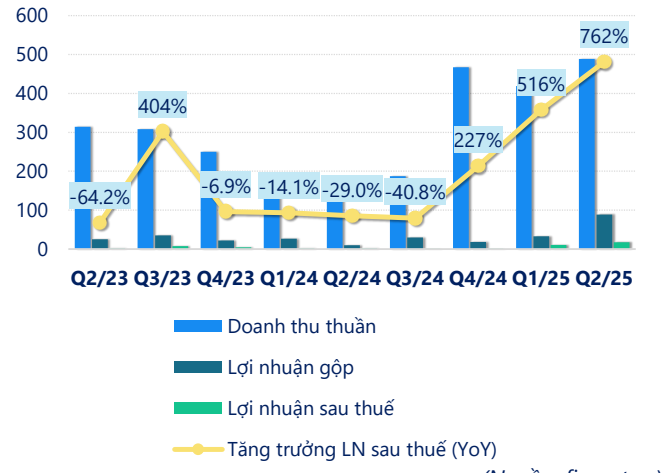
ROE

Q2/25

6.3%

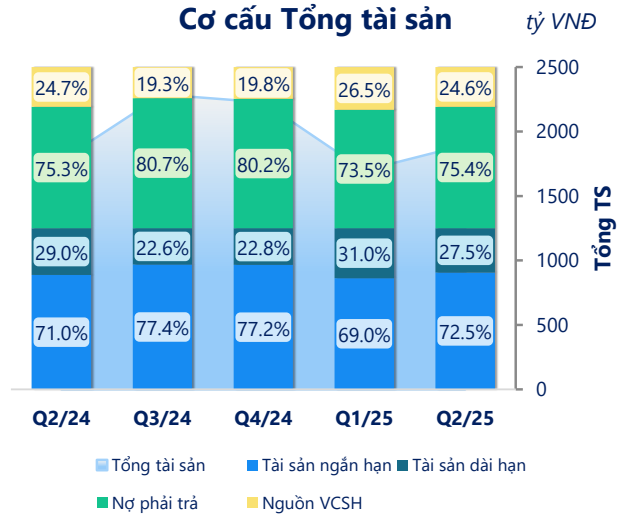
+/- YoY: ▲ 2.8%

Kết quả kinh doanh



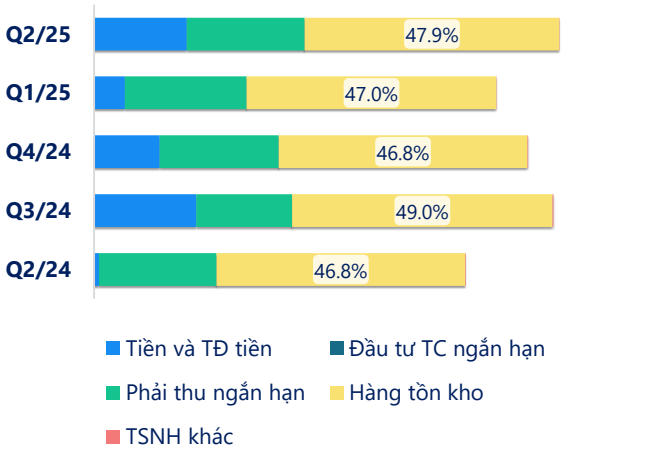
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



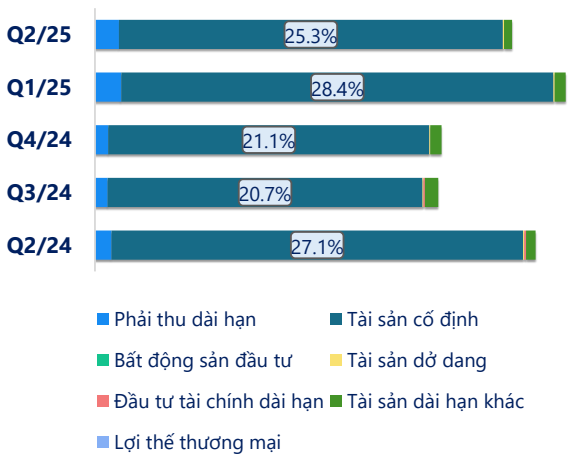
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



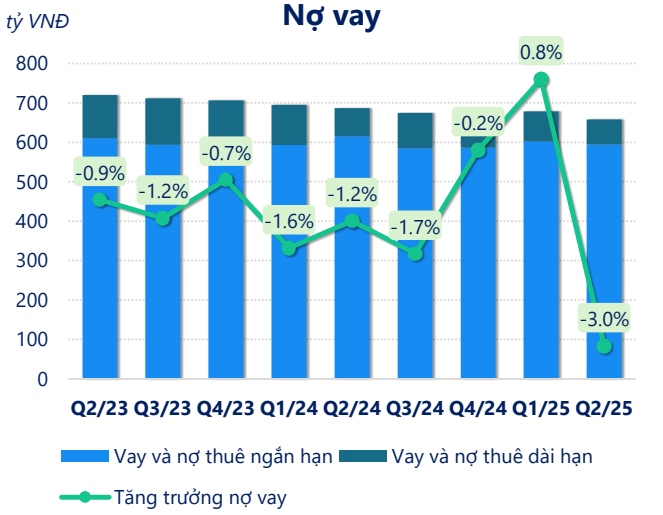
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



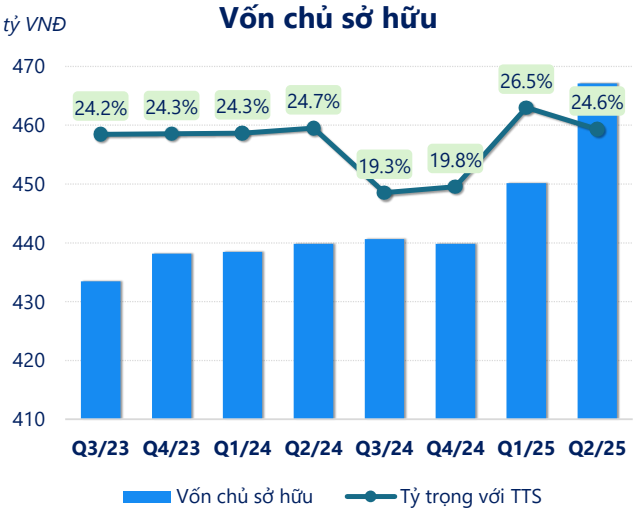
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



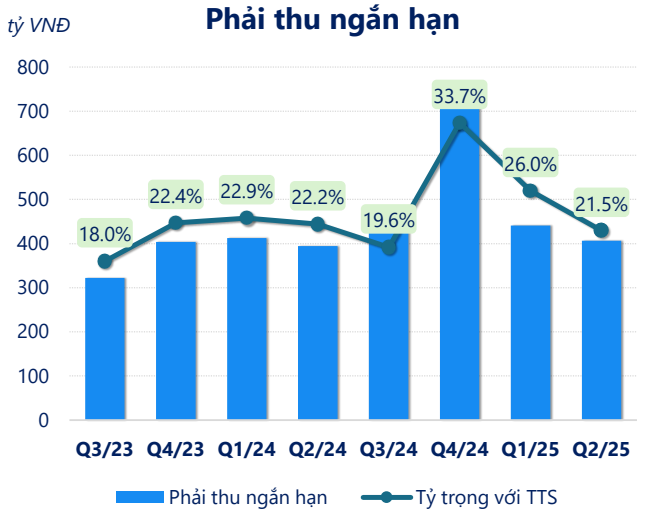
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



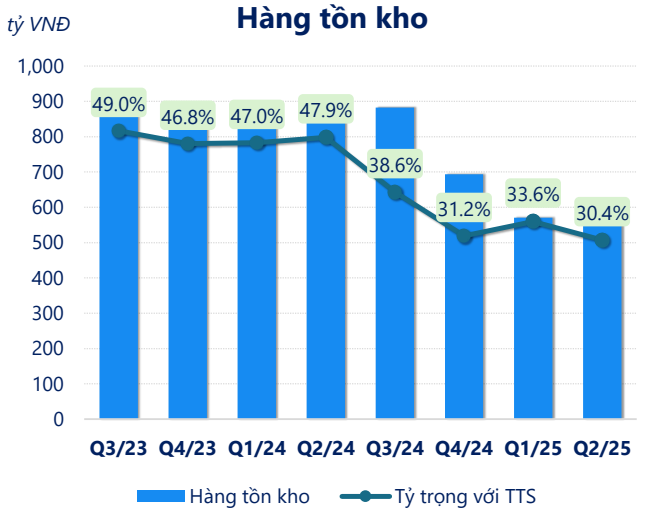
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



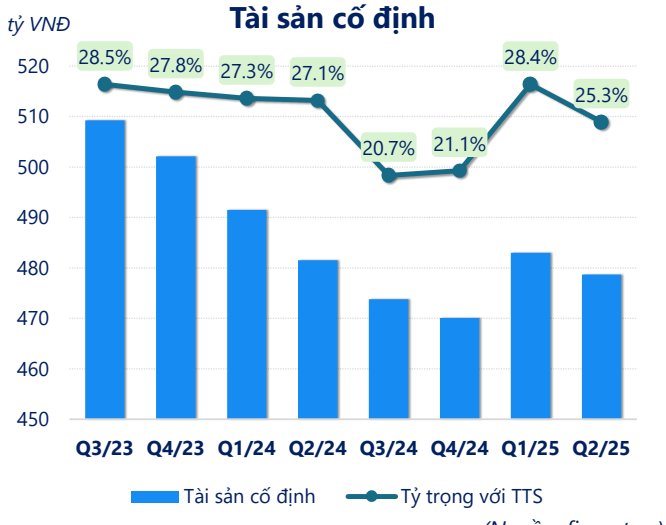
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



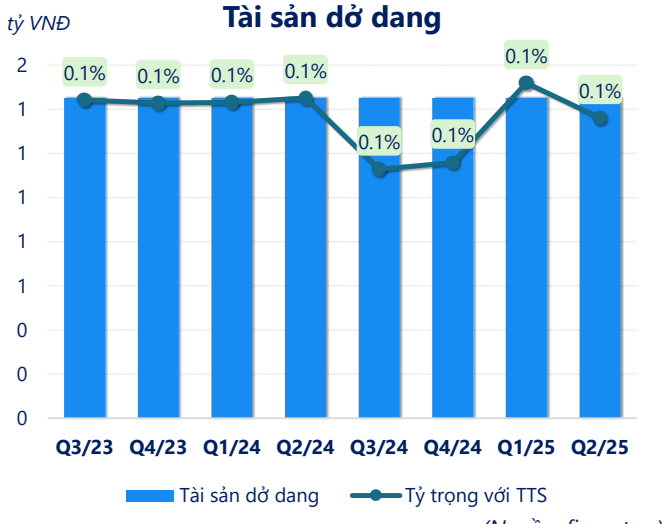
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



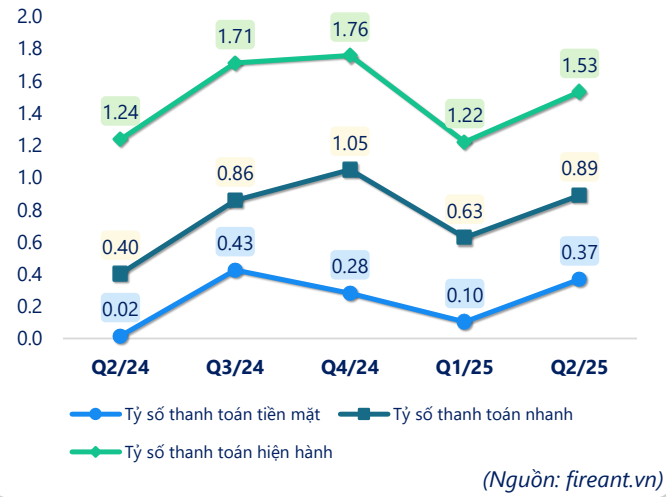
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



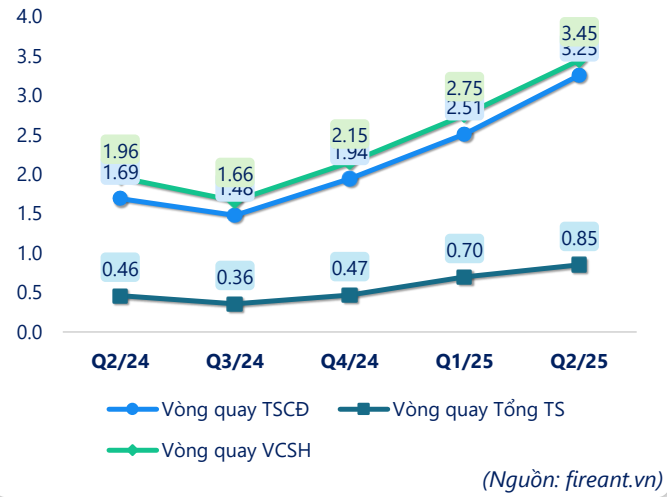
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**1,777**	**2,287**	**2,226**	**1,698**	**1,895**
Tài sản ngắn hạn	**1,262**	**1,770**	**1,718**	**1,172**	**1,375**
Tiền và tương đương tiền	16.0	440	275	98.7	330
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	61.7	56.0
Phải thu ngắn hạn	394	448	750	441	407
Hàng tồn kho	851	883	693	570	577
Tài sản ngắn hạn khác	0.05	0.05	0.13	0.11	5.44
Tài sản dài hạn	**515**	**517**	**508**	**526**	**520**
Phải thu dài hạn	19.2	19.2	19.6	29.5	30.0
Tài sản cố định	482	474	470	483	479
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.45	1.45	1.45	1.45	1.45
Đầu tư tài chính dài hạn	2.00	2.00	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	11.1	20.3	16.5	12.2	10.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**1,337**	**1,846**	**1,786**	**1,248**	**1,428**
Nợ ngắn hạn	**1,020**	**1,034**	**977**	**960**	**897**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	615	585	586	602	595
Phải trả người bán ngắn hạn	197	219	199	205	159
Nợ dài hạn	317	812	808	288	531
Vay và nợ thuê dài hạn	71.3	90.0	86.8	75.8	63.1
Nguồn vốn chủ sở hữu	**440**	**441**	**440**	**450**	**467**
Vốn chủ sở hữu	**440**	**441**	**440**	**450**	**467**
Vốn điều lệ	363	363	363	363	363
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)